

Bản án số: 18/2020/DS-ST

Ngày: 18 -5- 2020

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Săng

Ông Võ Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Nguyễn Thị T (Bình), sinh năm: 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh T.

- Bị đơn:

Lữ Thị Kim C, sinh năm: 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L (6), xã T, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2019, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T (Bình) trình bày:

Bà có trực tiếp tham gia chơi trong 01 dây hội tháng, dây hội có 20 phần, khai ngày 20/8/2017 âm lịch có mệnh giá 5.000.000 đồng, bà tham gia chơi 01 phần do bà Lữ Thị Kim C làm chủ. Hình thức chơi hội là ai bỏ thăm cao thì hốt, bỏ thăm khai hội tại sạp thịt heo của bà C buôn bán tại Chợ xã L và tại nhà bà C, bà nghe hội viên khác nói lại chứ bà không có đi khai hội ngày nào, gom hội hốt thì bà C đi đến nhà hội viên hoặc hội viên đến đóng cho bà C. Chủ hội có hưởng huê hồng, chơi hội chủ hội có ghi giấy hội phát cho hội viên. Dây hội này bà đóng được 13 lần hội sống số tiền là 45.000.000 đồng thì dây hội bị bể vào ngày 20/9/2018 âm lịch. Sau khi dây hội bị bể bà C có trả cho bà được số tiền hội là 1.000.000 đồng thì không tiếp tục trả đến nay. Giao dịch chơi hội, đóng tiền hội sống trực tiếp với bà C, không có giao dịch với ông N chồng bà C.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lữ Thị Kim C và ông Khuru Văn N phải liên đới trả lại cho bà số tiền hội sống đã đóng là 44.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

Ngày 03/3/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà chỉ khởi kiện 01 mình bà C trả nợ cho bà, không khởi kiện ông N chồng bà C cùng trả nợ. Bà vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đối với bà C.

* Tại biên bản lấy lời khai khai, biên bản hòa giải ngày 03/3/2020, bị đơn bà Lữ Thị Kim C trình bày:

Bà hoàn toàn thừa nhận và thống nhất có làm chủ hội, bà T là hội viên có tham gia chơi trong dây hội khai ngày 20/8/2017 âm lịch, mệnh giá 5.000.000 đồng, bà T tham gia chơi 01 phần. Hình thức chơi hội bà T trình bày hoàn toàn đúng bà thống nhất. Dây hội nêu trên bà T đóng hội sống nhưng chưa hốt hội thì dây hội bị bể, thời gian bể hội bà T trình bày là hoàn toàn đúng. Số tiền hội sống bà T đóng được cho bà chưa hốt hội là 45.000.000 đồng, bà đã trả được cho bà T số tiền hội là 1.000.000 đồng còn nợ lại 44.000.000 đồng chưa trả.

Bà làm chủ hộ chồng bà ông Khuru Văn N không biết, thời điểm vợ chồng chưa ly hôn. Hai vợ chồng chung sống nhưng tiền bạc sử dụng riêng. Bà đồng ý 01 mình trả số nợ hộ 44.000.000 đồng cho bà T.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 26, 35, 39, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biên, phường. Xử: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu nguyên đơn rút số tiền là 19.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả lãi suất của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Lữ Thị Kim C trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền hộ là 44.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà Lữ Thị Kim C và ông Khuru Văn N phải liên đới trả lại cho bà số tiền hộ sống đã đóng là 64.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất. Tại biên bản hòa giải ngày 03/3/2020 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà

T chỉ khởi kiện 01 mình bà C trả tiền nợ hụi là 44.000.000 đồng cho bà, không khởi kiện ông Khuru Văn N cùng liên đới trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy đây là quyền quyết định và tự định đoạt của nguyên đơn bà T, không vượt quá đơn khởi kiện trước đây của bà T. Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét và giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bị đơn là bà C, không triệu tập ông N để xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Bà Lữ Thị Kim C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 03/3/2020. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà C là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T (Bình) đối với bà Lữ Thị Kim C yêu cầu trả số tiền nợ góp hụi (Tiền hụi sống đã đóng) là 44.000.000 đồng của dây hụi khai ngày 20/8/2017 âm lịch mệnh giá 5.000.000 đồng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lữ Thị Kim C hoàn toàn thừa nhận, bà là chủ hụi, bà T là hụi viên có tham gia chơi 01 phần trong dây hụi đã nêu trên. Bà C hoàn toàn thừa nhận hiện nay bà còn nợ bà T số tiền hụi là 44.000.000 đồng chưa trả thể hiện tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 03/3/2020 (Bút lục số 13, 14, 24 - 26), phù hợp với khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận, nguyên đơn bà T không phải chứng minh. Số tiền nợ góp hụi 44.000.000 đồng đến nay bà C chưa trả cho bà T là đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên theo thỏa thuận. Bà T khởi kiện bà C trả số tiền nợ hụi 44.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 14, 21, 29, 31 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biểu, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Bà T không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ hụi 44.000.000 đồng của dây hụi nêu trên. Đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xét đến.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà C phải chịu án phí là:

$$44.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.200.000 \text{ đồng.}$$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 21, 29, 31 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phườg; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T (Bình) đòi bà Lữ Thị Kim C trả tiền nợ góp hui.

2. Buộc bà Lữ Thị Kim C phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T (Bình) số tiền góp hụi là 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng).

3. Ghi nhận bà Nguyễn Thị T (Bình) không yêu cầu trả lãi suất của số tiền hui nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Lữ Thị Kim C phải chịu 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T (Bình) 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0010607 ngày 18/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn trong vụ án có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà Lữ Thị Kim C vắng mặt tại phiên Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương